

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LÀO CAI  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HSST  
Ngày 28 - 6 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thiên Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Hoàng Văn Ngân
2. Bà: Vũ Thị Hòa

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đoàn Khánh Nguyệt - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà:** Ông Phạm Ngọc Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2018, tại Nhà văn hóa phường B (thuộc tổ 8, phường B), thành phố L, tỉnh Lào Cai. Hội đồng xét xử sơ thẩm - Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2018/TLST- HS ngày 01/6/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TỔNG XUÂN H**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 25/10/1989 tại thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 23, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở trước khi bị bắt: Tổ 21, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bố đẻ bị cáo là Tống Văn T (Đã chết năm 2002); Mẹ đẻ bị cáo là Nguyễn Thị T, sinh năm 1957. Hiện nay mẹ bị cáo cư trú tại tổ 23, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có ba chị em.

Bị cáo có vợ là Trần Thị L, sinh năm 1995. Hiện trú tại tổ 23, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo có 01 người con sinh năm 2015, đang ở cùng vợ bị cáo.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/4/2018, bị tạm giam ngày 27/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

Người chứng kiến:

1. Anh: Phạm Văn T – Sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 5, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Anh: Nông Văn T – Sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 21, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

### **NHẬN THẤY:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Hồi 19h 50 phút ngày 24/4/2018, tổ công tác Công an tỉnh Lào Cai đang làm nhiệm vụ tại khu vực cổng Công viên H thuộc tổ 5, phường P, thành phố L thì phát hiện Tổng Xuân H điều khiển xe máy BKS 67AC- 02409 có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác yêu cầu Tổng Xuân H dừng xe để kiểm tra, sau khi dừng xe máy H khai nhận đang tàng trữ ma túy. Tổ công tác yêu cầu Tổng Xuân H dắt xe máy vào phòng bảo vệ của công viên để làm việc, tại đây H đã tự giác lấy ở trong túi quần phía trước bên trái đang mặc ra 01 gói nilon, bên trong có 02 gói nilon nhỏ, bên trong các gói này đều chứa các hạt tinh thể màu trắng (H khai là ma túy đá) và tiếp tục lấy từ trong cốp xe máy BKS 67AC- 02490 ra 01 túi nilon, bên trong chứa 03 gói nhỏ nilon, bên trong ba gói nhỏ này đều chứa các hạt tinh thể màu trắng (H khai là ma túy đá). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang có sự chứng kiến của ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 trú tại tổ 5, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Ngoài ra còn thu giữ của Tổng Xuân H 01Điện thoại NOKIA màu trắng có số thuê bao 0869342165, số xêri 358253047522803, tiền Việt Nam 200.000 đồng và 01 xe máy BKS 67A - 02490.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai tiến hành khám xét chỗ ở của Tổng Xuân H tại tổ 21, phường D, thành phố L thu giữ ở tại ngăn tủ trên gác xép 02 gói nilon bên trong mỗi gói là các hạt tinh thể màu trắng. Ngoài ra không thu giữ gì khác.

Ngày 25/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai ra Quyết định trưng cầu giám định số 43, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai giám định về ma túy và gửi số vật chứng thu giữ đi giám định.

Tại biên bản mở niêm phong, trích mẫu, tái niêm phong và giao nhận đối tượng giám định lập ngày 25/4/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác định: Niêm phong còn nguyên vẹn, đúng quy định: Bì 1: Bên trong là 01 gói giấy màu trắng được ký hiệu gói số 01 và gói số 02. Gói 1: 01 túi nilon bên trong đựng 02 túi nilon nhỏ. Trong cả hai túi nilon này đều chứa các hạt tinh thể màu trắng. Tổng khối lượng là 0,42 gam, trích mẫu giám định 0,13 gam. Còn 0,29 gam hoàn lại cơ quan trưng cầu. Gói 2: 01 túi nilon bên trong đựng 03 túi nilon nhỏ. Trong cả 03 túi nilon này đều chứa các hạt tinh thể màu trắng. Tổng khối lượng là 2,85 gam, trích mẫu giám định 0,32 gam. Còn 2,53 gam hoàn lại cơ quan trưng cầu.

- Bì 2: 02 gói nilon bên trong cả hai túi nilon này đều chứa các hạt tinh thể màu trắng. Tổng khối lượng là 0,62 gam, trích mẫu giám định 0,18 gam. Còn 0,44 gam hoàn lại cơ quan trưng cầu.

- Vật chứng còn lại cùng toàn bộ niêm phong cũ được tái niêm phong hoàn lại cơ quan trưng cầu.

Tại Kết luận giám định số: 87/GĐMT ngày 26/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận:

Bì 1: Gói 1: 0,42 gam các hạt tinh thể màu trắng là chất ma túy Methamphetamine. Gói 2: 2,85 gam các hạt tinh thể màu trắng là chất ma túy Methamphetamine.

Bì 2: 0,62 gam các hạt tinh thể màu trắng là chất ma túy Methamphetamine.

Methamphetamine thuộc danh mục các chất ma túy.

Cáo trạng số: 46/CT -VKS ngày 31/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Tống Xuân H về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Tống Xuân H về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Tống Xuân H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Bị cáo không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung “phạt tiền” đối với bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bì thư niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, bên trong bì thư đựng 3,26 gam Methamphetamine. Tuyên trả cho bị cáo 01 điện thoại Nokia đen trắng. Tiếp tục tạm

giữ tài sản của bị cáo số tiền 200.000 đồng để đảm bảo công tác thi hành án. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo hứa sẽ cải tạo tốt, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo Tổng Xuân H khai nhận:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24 tháng 4 năm 2018, Tổng Xuân H một mình điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67AC-02490 đi từ nhà tại tổ 23, phường B, thành phố L đến khu vực đầu cầu Kim Tân, thành phố L với mục đích mua ma túy về để sử dụng cho bản thân. Khi đến nơi, Tổng Xuân H gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ và đặt vấn đề hỏi người đó mua ma túy, người nam giới này nói có ma túy bán, H đưa cho người đàn ông này 02 triệu đồng, người này cầm tiền của H và đi khoảng 15 phút sau rồi quay lại đưa cho Tổng Xuân H 02 gói nilon, trong đó 01 túi ni lon đựng bên trong 02 túi nilon nhỏ và 01 túi nilon bên trong đựng 03 túi nilon nhỏ, bên trong 03 túi nilon nhỏ này đều chứa ma túy đá. Mua xong H cho túi nilon bên trong có 02 túi nilon nhỏ vào túi quần bên trái phía trước H đang mặc, cho 01 túi nilon bên trong có 03 túi nilon nhỏ vào cốp xe dưới yên xe máy. Sau đó, Hưng điều khiển xe máy đi sang khu vực phường P, thành phố L để tìm nơi sử dụng ma túy. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày H đang điều khiển xe mô tô. BKS 67 AC - 002490 đi đến khu vực Công viên H thuộc tổ 5, phường P, thành phố L thì bị tổ công tác Công an thành phố L kiểm tra bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật. Sau đó Công an tiến hành khám xét nơi ở của H thu giữ được số ma túy tại nhà H khai nhận là của H mua về để sử dụng và H không nhớ mua của ai và mua từ bao giờ.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng cùng các chứng cứ và

tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Tổng Xuân H đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị bắt quả tang vào ngày 24/4/2018. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy, song do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, đua đòi ăn chơi đã nghiện chất ma túy. Để có ma túy sử dụng thoả mãn nhu cầu bất chính của bản thân bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ 3,89 gam Methamphetamine để mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo thực hiện đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo về tội danh trên là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Lào Cai. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật, cần áp dụng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân. Ngoài ra, gia đình bị cáo có bố đẻ bị cáo là ông Tổng Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân, bị cáo không có tài sản gì. Nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là “*Phạt tiền*” đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Chuyển theo hồ sơ vụ án là 01(một) bì thư niêm phong đúng quy định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, bên trong có 3,26 gam Methamphetamine. Trên mặt của bì niêm phong có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ Tổng Xuân H có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện thu giữ ngày 24/4/2018 tại tổ 05, phường P và tổ 21, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai ”; 01Điện thoại NOKIA đen trắng, số thuê bao 0869342165, số xeri: 358253047522803 và tiền Việt nam 200.000 đồng.

Xét thấy: 01(một) bì thư niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, bên trong bì thư đựng 3,26 gam Methamphetamine. Xác định vật chứng trên là vật Nhà nước cầm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*). Xác định là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả cho bị cáo.

Xong xét thấy bị cáo còn phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, nên cần tiếp tục tạm giữ của bị cáo số tiền trên để đảm bảo công tác thi hành án.

Ngoài ra còn 01 Điện thoại NOKIA đen trắng, số thuê bao 0869342165, số seri: 358253047522803 xác định là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tuyên trả cho bị cáo là phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, bị cáo khai mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đầu cầu K, thành phố L, tỉnh Lào Cai vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24/4/2018. Quá trình điều tra không xác minh làm rõ được người đã bán ma túy cho bị cáo để xử lý trong vụ án này.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Tổng Xuân H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tổng Xuân H 02 (hai) năm 09 tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 24/4/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 3,26 gam Methamphetamine được niêm phong trong 01(một) bì thư của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai ghi: “*Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ Tổng Xuân H có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện (thu giữ) ngày 24/4/2018 tại tổ 05, phường P và tổ 21, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai*”.

Trả cho bị cáo Tổng Xuân H 01 điện thoại NOKIA đen trắng, số thuê bao 0869342165, số seri: 358253047522803.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) của bị cáo Tổng Xuân H để đảm bảo công tác thi hành án khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*(Vật chứng được thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/6/2018).*

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tổng Xuân H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSNDTPL (2);
- CCTHADSTPL;
- PV27;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- THAHS; Sở tư pháp;
- Lưu HS – Tập án;

**Nguyễn Thiên Hương**

